

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ - ST
Ngày 30-5-2025
V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Kim Thúy
- Bà Bùi Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thao - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; HKTT: Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú hiện nay: Tokyo Bunkyo M C 20 Ban 3- 103 Go, Nhật Bản (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Phùng Minh H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Phùng Minh H1 đăng ký kết hôn ngày 21/8/2009 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc,. Sau khi kết vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do kinh tế bấp bênh nên chị quyết định đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản để làm ăn lo cho gia đình. Ngày 11/4/2017 chị sang Nhật Bản lao động và cư trú. Sau khi sang Nhật Bản, vợ chồng chị ít nói chuyện với nhau, lâu dần tình cảm phai nhạt và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay không có quan hệ tình cảm với nhau. Chị nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phùng Ngọc H2, sinh ngày 20/01/2010. Hiện cháu H2 đang ở với anh H1 tại xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Ly hôn, chị đề nghị để anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2025, bị đơn là anh Phùng Minh H1 trình bày:

Anh thống nhất lời khai với chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sau khi đi xuất khẩu, vợ chồng anh chị ít liên hệ và tình cảm phai nhạt dần. Từ khi đi đến nay, chị H không về thăm gia đình lần nào. Đến nay anh xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, chị H xin ly hôn, anh đồng ý, anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phùng Ngọc H2, sinh ngày 20/01/2010. Hiện cháu H2 đang ở với anh tại xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Ly hôn, anh đề nghị để anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2025, cháu Phùng Ngọc H2 trình bày: Cháu là con của anh H1, chị H. Hiện tại cháu đang sống cùng anh H1 tại xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố là Phùng Minh H1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H3 được ly hôn anh Phùng Minh H1.

Về con chung: Giao cháu Phùng Ngọc H2, sinh ngày 20/01/2010 cho anh Phùng Minh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng, chị Nguyễn Thị H3 và anh Phùng Minh H1 đã có ý kiến đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1, chị H3.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H3 và anh Phùng Minh H1 đăng ký kết hôn ngày 21/8/2009 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 chị H3 sang Nhật Bản lao động và cư trú ở Nhật bản từ đó đến nay. Sau khi sang Nhật Bản, anh chị ít liên lạc với nhau, tình cảm phai nhạt và phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh chị sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm yêu thương nhau và không còn quan hệ tình cảm với nhau. Chị H3 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Anh H1 đồng ý ly hôn do mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy hôn nhân giữa chị H3 và anh H1 là cuộc hôn nhân hợp pháp; tuy nhiên, cuộc hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H1 và chị H3 sống ly thân đến nay đã 08 năm không có quan hệ tình cảm. Hội đồng xét xử thấy việc xin ly hôn của anh, chị là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, do vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị H3 và anh H1 ly hôn.

[3] Về con chung: Anh chị xác nhận có 01 con chung là cháu Phùng Ngọc H2, sinh ngày 20/01/2010. Hiện cháu H2 đang ở với anh H1 tại xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Ly hôn, anh chị thống nhất để anh H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H2, cháu H2 cũng có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, thỏa thuận của anh H1 và chị H3 là tự nguyện, hợp pháp, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần giao cháu Phùng Ngọc H2 cho anh Phùng Minh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh chị thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh H1 và chị H3 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị H3 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H3 được ly hôn anh Phùng Minh H1.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Ngọc H2, sinh ngày 20/01/2010 cho anh Phùng Minh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H3 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H1 và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H3 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007519 ngày 12/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Thời hạn kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Đồng Quê, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

